

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 01/02/2024

Về việc: “*Không công nhận quan hệ vợ chồng và giải quyết việc nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Thanh Sang**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Kim Hoa**

Bà **Đinh Thị Phương Lan**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Diệp** - Thư ký TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn đất tham phiên tòa: Bà **Trần Phương Thuý – Kiểm sát viên.**

Ngày 01 tháng 02 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 610/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2023 về việc: “*không công nhận quan hệ vợ chồng và giải quyết việc nuôi con*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST - HNGĐ, ngày 16/01/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Lâm Quốc C**, sinh năm 1982 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện H, tỉnh K.

Bị đơn: Chị **Trần Thị Q**, sinh năm 1989 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện H, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện nguyên đơn anh **Lâm Quốc C** trình bày như sau:

Về hôn nhân: Anh Lâm Quốc C và chị Trần Thị Q tự tìm hiểu yêu thương nhau, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2004 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Thời gian đầu tình cảm giữa vợ chồng rất vui vẻ và hạnh phúc, có 02 người con chung. Tuy nhiên, thời gian sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hiểu nhau, thường xuyên cãi vã dẫn đến cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và anh chị đã sống ly thân gần từ tháng 12/2022 cho đến nay. Nay anh C yêu cầu Tòa án không công nhận anh và chị Q là vợ chồng.

Về con chung: Anh Lâm Quốc C và chị Trần Thị Q có 02 người con chung tên Lâm An T, sinh năm 2007 và Lâm An L, sinh năm 2009 hiện đang ở chung với anh C. Sau khi ly hôn anh C yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 02 người con chung nêu trên và không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh Lâm Quốc C và chị Trần Thị Q không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Anh Lâm Quốc C và chị Trần Thị Q không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Theo biên bản lấy lời khai ngày 21 tháng 01 năm 2024 chị Trần Thị Q trình bày:*

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Q và anh Lâm Quốc C tự tìm hiểu yêu thương nhau, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống thì giữa anh chị có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã và đã ly thân nhau từ đầu năm năm 2023 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nay anh C yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh C là vợ chồng thì chị Q cũng đồng ý.

Về con chung: Chị Trần Thị Q và anh Lâm Quốc C có 02 người con chung tên Lâm An T, sinh năm 2007 và Lâm An L, sinh năm 2009 hiện đang ở chung với anh C. Sau khi ly hôn chị Q đồng ý giao 02 người con chung nêu trên cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng và chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Trần Thị Q và anh Lâm Quốc C không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị Trần Thị Q và anh Lâm Quốc C không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình: Về hôn nhân: Không công nhận anh Lâm Quốc C và chị Trần Thị Q là vợ chồng; Về con chung: Ghi nhận ý kiến của anh Lâm Quốc C và chị Trần Thị Q về việc giao cho anh Lâm Quốc C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 người con chung tên Lâm An T, sinh năm 2007 và Lâm An L, sinh năm 2009 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xét. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xét; Về án phí: áp dụng áp dụng khoản 4 Điều 147 BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Anh Lâm Quốc C phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn xin ly hôn của anh Lâm Quốc C thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại xã Linh Huỳnh, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang nên quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Lâm Quốc C và chị Trần Thị Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:*

3.1. *Về quan hệ hôn nhân:*

Anh Lâm Quốc C và chị Trần Thị Q cùng thừa nhận chung sống với nhau từ năm 2004, có tổ chức hôn lễ theo nghi lễ phong tục tập quán địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy có cơ sở kết luận anh C và chị Q đã vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên mối quan hệ hôn nhân của anh C và chị Q không được pháp luật thừa nhận. Hội đồng xét xử xét thấy qua lời khai của anh C và chị Q thì anh chị luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã và đã ly thân nhau hơn 01 năm nay. Điều đó thể hiện cuộc sống hôn nhân của anh C và chị Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình cần tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Lâm Quốc C và chị Trần Thị Q là vợ chồng.

3.2. *Về quan hệ con chung:* Anh Lâm Quốc C và chị Trần Thị Q có 02 người con chung tên Lâm An T, sinh năm 2007 và Lâm An L, sinh năm 2009 hiện đang ở chung với anh C. Quá trình giải quyết vụ án hai bên thoả thuận là anh C được quyền trực tiếp nuôi cháu Thịnh và cháu Lợi. Hơn nữa cháu Thịnh và cháu Lợi đang chung sống cùng với anh C và được anh C chăm sóc tốt về thể chất, tinh thần. Xét thấy việc thoả thuận về việc nuôi con chung trên của anh C và chị Q là tự nguyện, đúng với quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với sự phát triển về mọi mặt của con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

3.3. *Về tài sản chung:* Anh Lâm Quốc C và chị Trần Thị Q đều xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

3.4. *Về nợ chung:* Anh Lâm Quốc C và chị Trần Thị Q đều xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] *Về án phí:* Anh Lâm Quốc C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228, Điều 232, 271, 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng: khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Lâm Quốc C và chị Trần Thị Q là vợ chồng.

2/ Về quan hệ con chung: Giao cháu Lâm An T, sinh năm 2007 và Lâm An L, sinh năm 2009 cho anh Lâm Quốc C trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Trần Thị Q có quyền được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

3/ Về tài sản chung: Các đương sự thống nhất không có tài sản chung và không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4/ Về nợ chung: Các đương sự thống nhất không có nợ chung và không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

5/ Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc anh Lâm Quốc C phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh Lâm Quốc C đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003586, ngày 01/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, anh Lâm Quốc C không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm.

6/ Quyền kháng cáo: Báo cho anh Lâm Quốc C và chị Trần Thị Q biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Thanh Sang

